

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thị Kim Nương.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HN ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HN ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Kim H**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện TP, tỉnh TG (có mặt).

*2.Bị đơn:* Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp K1, xã PL, huyện TP1, tỉnh TG1 (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Kim H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010, chị và anh Lê Minh T được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 07-9-2010. Sau

khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chị, thời gian đầu sống hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn thường xuyên nhậu say và cờ bạc. Chị đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ năm 2019, chị và anh T ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Lê Minh T.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung có hai con chung Lê Ngô Quốc C, sinh ngày 16-12-2010 và Lê Ngô Phúc Th, sinh ngày 18-10-2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**\*Bị đơn Lê Minh T:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Ngô Thị Kim H tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Lê Minh T, địa chỉ: ấp K1, xã PL, huyện TP1, tỉnh TG1 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim H và anh Lê Minh T sống chung năm 2010 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP1, tỉnh TG1 cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo làm ăn thường xuyên nhậu say, cờ bạc gây nợ. Anh chị ly thân từ năm 2019 đến nay, thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng như không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị H, nay chị H xin ly hôn do không còn tình cảm với anh T, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Kim H.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, anh chị có hai con chung Lê Ngô Quốc C, sinh ngày 16-12-2010 và Lê Ngô Phúc Th, sinh ngày 18-10-2017. Hiện nay con chung đang sống cùng chị H, chị có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai con chung đang sống ổn định cùng chị H. Chị H có chỗ ở ổn định và có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, cháu C có nguyện vọng sống cùng chị H, nên cần thiết tiếp tục giao con chung Quốc C và Phúc Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung Lê Ngô Quốc C và Lê Ngô Phúc Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Ngô Thị Kim H phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Kim H và anh Lê Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Ngô Quốc C, sinh ngày 16-12-2010 và Lê Ngô Phúc Th, sinh ngày 18-10-2017 cho chị Ngô Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Minh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Minh T chưa phải đóng góp nuôi con chung do chị Ngô Thị Kim H chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

20848 ngày 13-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị H đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã PL, huyện TP1;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thuyền**